| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2024
*Về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Lắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

*Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần T. N, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp , xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bùi V. S, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn xin ly hôn ngày 21/02/20xx và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần T. N trình bày: Chị và anh S quen biết tìm hiểu nhau vào năm 20xx, tìm hiểu được 8 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/4/20xx. Sau khi cưới thì sống bên gia đình chị tại tỉnh Trà Vinh được 3 tháng thì vợ chồng về nhà anh S ở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang sống chung với gia đình chồng, chị làm dâu được vài tháng, thì có xích mích với gia đình bên chồng nên anh chị đi Sài Gòn thuê trọ đi làm thuê, đến cuối năm 20xx thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống, tính cách không hợp nhau, thường hay cải vã, anh S cờ bạc, nhậu nhẹt, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh S không sửa đổi. Nay không còn tình cảm, chị yêu cầu ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Trần N. T, sinh ngày 07/11/20xx. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Bùi V. S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh S không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần T. N được ly hôn với anh Bùi V. S. Về con chung: giao con chung tên Bùi Trần N. T, sinh ngày 07/11/20xx cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị N có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh S vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh S vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của anh S không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Anh S và chị N kết hôn năm 20xx trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời

trình bày của chị: Sau khi cưới thì sống bên gia đình chị tại tỉnh Trà Vinh được 3 tháng thì vợ chồng về nhà anh S ở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang sống chung với gia đình chồng, chị làm dâu được vài tháng, thì có xích mích với gia đình bên chồng nên anh chị đi Sài Gòn thuê nhà trọ ở, đi làm thuê, đến cuối năm 20xx thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường hay cải vã, anh S cờ bạc, nhậu nhẹt, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh S không sửa đổi. Về phía anh S, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy, anh không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm hàn gắn tình cảm với chị N và mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như chị N trình bày. Do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Trần N. T, sinh ngày 07/11/20xx. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu T hiện đang sống với chị N, nên tiếp tục để chị N nuôi cháu T là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

***Tuyên xử:*** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần T. N.

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Trần T. N được ly hôn với anh Bùi V. S.

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung Bùi Trần N. T, sinh ngày 07/11/20xx cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị N chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị N và các thành viên gia đình không được ngăn cản.

**3. Về án phí:** Chị Trần T. N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001612 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị N đã nộp xong án phí. Anh S không phải nộp án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N, anh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**
- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã Đ, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Đặng Văn Lắm**